

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂY NINH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 09/8/2022  
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình về ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thanh Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phú

2. Ông Trần Hoài Duy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh Huyền V, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Số 46 LTK phường Đ, thành phố P, tỉnh KG. Tạm trú: 1646A VK, Phường X, Quận Y, Thành phố Z. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Vân: Ông Nguyễn Đức Thắng Y là Luật sư của Công ty Luật TNHH B; Địa chỉ: 128/41 HTP, Phường T Tây, Quận C, Thành phố Z. Có mặt

Bị đơn: Anh Trần Lê Đức T, sinh năm: 1995; Địa chỉ: Số 858 Đường C, khu phố A, Phường B, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thanh Huyền Vân trình bày:*

Chị và anh Trần Lê Đức T chung sống vợ chồng vào năm 2019, có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2019 tại Ủy ban nhân dân Phường X, thành phố Tây Ninh, tỉnh

Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng khoảng 01 năm trở lại đây cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị V và anh T tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và suy nghĩ, không chia sẻ với nhau được. Trong thời gian dịch bùng phát, chị V về chơi với cha mẹ ở thì bị mắc kẹt lại do Chỉ thị 16 thì anh T cho rằng chị V cố tình bỏ rơi anh T. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân. Hiện nay, chị và anh T đã ly thân. Theo chị V, việc vợ chồng xảy ra tình trạng như hiện nay lỗi là do chị V, anh T không có lỗi gì. Nhận thấy hiện nay, vợ chồng không hạnh phúc, không còn yêu thương lẫn nhau nữa, mục đích hôn nhân giữa vợ chồng không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị V và anh T không có con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Trần Lê Đức T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Anh T thống nhất với lời trình bày của chị V về thời gian kết hôn. Theo anh, sau khi kết hôn thì vợ chồng vẫn sống mỗi người một nơi do điều kiện làm việc nên anh vẫn làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh TN, chị Vân làm việc tại Thành phố Z. Khoảng tháng 12/2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thấy chị V có nhắn tin tình cảm với người khác. Sau khi phát hiện sự việc, vợ chồng có về Thành phố Z sinh sống khoảng 03 tháng nhưng chị V bị căng thẳng rất nhiều, phải uống thuốc điều trị tâm lý do mặc cảm về việc chị V đã làm. Sau khi cha mẹ chị V biết thì đã mua nhà cho V ở riêng. Trong thời gian sống riêng, chị V về ở cùng cha mẹ thì vợ chồng cũng có trao đổi tìm cách tháo gỡ, anh T có đề nghị dọn về sống chung với chị V nhưng không được chị V và gia đình chị V đồng ý. Khi chị V về sống với gia đình, anh Tr rất khó tiếp xúc do bị cha chị V ngăn cản nên vợ chồng thường nhắn tin hẹn gặp nhau bên ngoài, thường thì 01 tháng gặp nhau 01 lần, khi chị V thấy thoải mái. Khi chị V đề nghị ly hôn, anh đã có đề nghị chị V cho vợ chồng thời gian là 02 năm để hàn gắn bằng cách tạo cho vợ chồng nhiều cơ hội gặp gỡ hơn, nói chuyện như những người bạn bình thường nhưng chị V không đồng ý. Tại Biên bản hòa giải ngày 08/7/2022, anh Tr đề nghị cho vợ chồng thêm thời gian 02 năm hàn gắn, nếu vẫn không hàn gắn được thì anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị V. Nay chị V yêu cầu ly hôn, anh T nhận thấy vẫn còn yêu thương chị V nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị V không có con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại phiên tòa:

- Chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị V trình bày: Chị V và anh T trong quan hệ hôn nhân đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, vấn đề chính là chị V không còn tình cảm với anh T, không có mong muốn cùng anh T tiếp tục hàn gắn, xây dựng gia đình. Do mâu thuẫn mà chị V gặp áp lực tâm lý rất lớn nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị V được ly hôn với anh T để giải phóng chị V khỏi tình trạng áp lực tâm lý như hiện nay.

- Anh T trình bày: Anh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và anh cũng biết chị V không còn yêu thương và muốn tiếp tục chung sống với anh nữa nhưng anh mong chị V và Hội đồng xét xử cho anh thêm thời gian để hàn gắn lại vì vợ chồng hết tình còn nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn yêu cầu của chị V, cho chị V được ly hôn với anh T. Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Án phí: Chị V phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp, qua kết quả thẩm tra các tài liệu chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thanh Huyền V khởi kiện anh Trần Lê Đức T về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T cư trú tại thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh Huyền V và anh Trần Lê Đức T chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn số 62/2019 ngày 25/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố TN, tỉnh TN nên quan hệ hôn nhân của chị V với anh T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.1] Anh T và chị V chung sống vợ chồng với nhau không hạnh phúc từ cuối năm 2021. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn theo anh T là do chị V sa u khi kết hôn không toàn tâm toàn ý xây dựng hạnh phúc gia đình với anh, khi có thời gian rảnh chị V chủ yếu dành cho cha mẹ ruột. Trước giai đoạn dịch covid 19 bùng phát, khi chị V đề nghị được về thăm cha mẹ ruột, anh T có phân tích tình hình và đề nghị chị V không đi thăm gia đình nhưng chị V vẫn đi và bị kẹt lại thời gian dài, vợ chồng không gặp nhau được. Sau đợt dịch, khi trở về chị V có biểu hiện không chung thủy, khi anh T và gia đình biết sự việc thì chị V gặp trở ngại lớn về tâm lý do dẫn đến vợ chồng không chia sẻ được với nhau các vấn đề trong cuộc sống thường ngày. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, cả anh T và chị V đều thừa nhận, chị V vì mâu thuẫn vợ chồng mà bị stress, phải uống thuốc điều trị tâm lý nhưng qua một thời gian chị V vẫn không thể nào tiếp xúc bình thường với anh T được. Từ khi mâu thuẫn tới nay, vợ chồng không thể gặp gỡ, trao đổi nói chuyện với nhau một cách bình thường do chị V không muốn gặp anh T một phần và một phần anh T bị gia đình chị V cản trở. Anh T có yêu cầu cho vợ chồng thêm thời gian để hàn gắn nhưng chính anh T cũng thừa nhận anh T chưa tìm ra được giải pháp nào cho vấn đề của anh chị. Chị V không có mong muốn hàn gắn, tiếp tục chung sống vợ chồng với anh T.

Xét thấy, nam nữ kết hôn là do xuất phát từ tình yêu và mục đích của một cuộc hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Trong mối quan hệ hôn nhân, phải có sự gắn kết là tình yêu xuất phát từ cả phía người vợ và người chồng. Khoản 1 Điều 19 của Luật hôn nhân và Gia đình quy định *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*, Hội đồng xét xử nhận thấy, sợi dây liên kết trong hôn nhân là tình cảm của người vợ là chị V dành cho người chồng là anh T không còn và chị V không có chút ý chí nào mong muốn cùng anh T hàn gắn, xây dựng lại gia đình. Trên thực tế, vợ chồng anh Trung, chị V không có việc tranh cãi gay gắt, không có bạo lực gia đình nhưng mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân lại rất nghiêm trọng, biểu hiện rõ ở thái độ kiên quyết, không có bất kì mong muốn hàn gắn nào từ chị V. Tại phiên tòa, anh T cũng trình bày, anh không có chứng cứ gì chứng minh chị V không chung thủy, căn cứ anh T cho rằng chị V không chung thủy chỉ là những dòng chị V viết thể hiện tâm trạng cá nhân của chị V. Cũng tại phiên tòa, hai bên đương sự thừa nhận hiện nay không chỉ có vợ chồng mâu thuẫn mà xuất phát từ mâu thuẫn của hai vợ chồng đã dẫn đến hai bên gia đình cũng mâu thuẫn. Anh T trình bày là anh biết chị V không còn yêu thương anh nữa, suy nghĩ của chị V không còn hướng về anh. Do đó, khả năng để vợ chồng hàn gắn, hai bên gia đình hàn gắn lại như ban đầu để chung sống hòa thuận, hạnh phúc là rất khó. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị V, lời trình bày của

người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị V, lời trình bày của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh có căn cứ chấp nhận. Cho chị V được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thanh Huyền Vân đối với anh Trần Lê Đức Trung về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”.

Cho chị Nguyễn Thanh Huyền V được ly hôn với anh Trần Lê Đức T. Chị Nguyễn Thanh Huyền V và anh Trần Lê Đức T chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 62/2019 ngày 25/11/2019 giữa anh Trần Lê Đức T và chị Nguyễn Thanh Huyền V tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố TN, tỉnh TN hết hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thanh Huyền V phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000902 ngày 05/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị V đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thành phố Tây Ninh;
- THADS thành phố Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND Phường X, TP. TN;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đinh Thị Thanh Hoa**